

Ông có một thửa đất tại hang Dúi, thôn H, xã Thái B, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang do ông khai phá và sử dụng làm nương rẫy từ năm 1975. Năm 1988 đến năm 1990, cả gia đình ông vào miền Nam không canh tác trên thửa đất đó nữa. Năm 1990, ông về lại địa phương và canh tác liên tục từ năm 1990-1995. Năm 1995, gia đình ông nhận trồng rừng theo Dự án 327 của tỉnh Tuyên Quang. Cuối năm 1996, ông được thanh toán tiền công đối với diện tích đã được giao và diện tích trồng rừng ông bàn giao lại cho Lâm trường Yên S quản lý. Khoảng năm 2015-2016, các hộ dân trong thôn được trả lại đất trồng rừng dự án nhưng ông không được trả lại. Ông đã đề nghị Lâm trường Yên S, Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thái B giải quyết nhưng không được. Năm 2017, ông biết diện tích đất trồng rừng của gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Nguyễn Gia Th và vợ là Nguyễn Thị X, địa chỉ thôn H, xã Thái B, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tuyên hủy một phần quyết định cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Yên S phần cấp cho ông Nguyễn Gia Th và vợ là Nguyễn Thị X, địa chỉ thôn H, xã Thái B, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang; Hủy GCNQSDĐ số AL 276539, diện tích 19.476m², thửa đất số 282, tờ bản đồ số 2, cấp cho ông Nguyễn Gia Th và bà Nguyễn Thị X, địa chỉ thôn H, xã Thái B, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang ngày 05/5/2008.

Người bị kiện UBND huyện Yên S trình bày:

Căn cứ Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 về cấp GCNQSDĐ, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi và giải quyết khiếu nại về đất đai. Ngày 05/12/2006, UBND xã Thái B, đơn vị tư vấn (công ty đo đạc ảnh địa hình) và nhân dân thôn H đã tiến hành hợp triển khai công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính trên đất lâm nghiệp và lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp trên địa bàn;

Ngày 10/9/2007, ông Nguyễn Gia Th và bà Nguyễn Thị X đã làm đơn xin cấp GCNQSDĐ gồm thửa đất 282 và thửa đất số 144, tờ bản đồ số 2, thuộc thôn H, xã Thái B được UBND xã Thái B xác nhận ngày 25/10/2007, trong đó thửa đất số 144 được xác định nằm trong ranh giới đất Lâm trường không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Về nguồn gốc đất ông Th khai do gia đình khai phá sử dụng từ năm 1992;

Ngày 02/10/2007, Ban chỉ đạo giao đất và cấp GCNQSDĐ xã Thái B đã tiến hành họp phân loại, thẩm tra, xác minh đơn của từng chủ sử dụng đất trong đó có hộ ông Nguyễn Gia Th, đồng thời UBND xã đã tiến hành công khai trong thời gian 15 ngày. Trong thời gian 15 ngày công khai không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về danh sách đã công khai, UBND xã đã lập tờ trình, trình UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Thái B trong đó có hộ ông Nguyễn Gia Th và và Nguyễn Thị X. Sau khi xem xét hồ sơ và giấy tờ có

liên quan, ngày 05/5/2008, UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Thái B trong đó có hộ ông Nguyễn Gia Th và bà Nguyễn Thị X đảm bảo đúng trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định. Đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Gia Th trình bày:

Khoảng năm 2002-2003, UBND tỉnh Tuyên Quang có chủ trương yêu cầu các xã trên địa bàn tỉnh rà soát đất trống để phủ xanh đất trống đồi núi trọc, trong đó có UBND xã Thái B. Diện tích đất tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 2, diện tích 19.476m² khi đó được xác định là đất trống. UBND tỉnh Tuyên Quang giao cho Lâm trường Yên S và UBND xã Thái B tổ chức việc trồng rừng, ông đã được giao trồng rừng trên diện tích, ông tự trồng rừng trên cơ sở thiết kế trồng rừng của Lâm trường Yên S. Khoảng năm 2007, có chủ trương cấp GCNQSDĐ cho các hộ trồng rừng trên địa bàn xã Thái B, huyện Yên S nên UBND xã Thái B có tổ chức họp thôn tại thôn H phổ biến các quy định của pháp luật để cấp GCNQSDĐ, ông đã chỉ cho cán bộ địa chính và cán bộ kỹ thuật để đo vẽ khu vực rừng trồng của ông. Khoảng hơn 01 tháng sau, UBND xã Thái B lại tổ chức họp thôn để thông báo kết quả đo đạc diện tích mà các hộ kê khai trong đó có hộ của ông. Ông đã làm đơn xin cấp GCNQSDĐ, ông được ký đơn nhưng nội dung kê khai do cán bộ địa chính đo đạc ghi nội dung, do ông không biết chính xác số thửa và diện tích đất là bao nhiêu. Khoảng năm 2012, ông được trưởng thôn gọi đến nhà để nhận GCNQSDĐ. Ông đã sử dụng thửa đất và trồng rừng từ đó cho đến nay không tranh chấp quyền sử dụng đất với ai. Ông được cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Văn T khởi kiện đề nghị hủy GCNQSDĐ của vợ chồng ông là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và không có yêu cầu độc lập.

Ngày 26/3/2019, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 18/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 173; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T về các yêu cầu:

1. Hủy một phần Quyết định số 98/QĐ-UBND, ngày 05/5/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Yên S Quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã Thái B, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang, phần cấp giấy cho ông Nguyễn Gia Th và bà Nguyễn Thị X.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 276539 cấp ngày 05/5/2008, mang tên ông Nguyễn Gia Th và bà Nguyễn Thị X, địa chỉ: thôn H, xã Thái B, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/10/2019, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ, tài liệu mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 05/5/2008, UBND huyện Yên S cấp GCNQSDĐ số AL 276539, diện tích 19.476m², thửa đất số 282, tờ bản đồ số 2, cấp cho ông Nguyễn Gia Th và bà Nguyễn Thị X, địa chỉ thôn H, xã Thái B, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang.

Năm 2017, ông Nguyễn Văn T biết việc UBND huyện Yên S cấp GCNQSDĐ cho ông Th, bà X nên gửi đơn đến UBND xã Thái B đề nghị giải quyết, nhưng không thành. Ông T tiếp tục làm đơn đề nghị gửi đến UBND tỉnh Tuyên Quang và được Ban tiếp công dân Văn phòng UBND tỉnh Tuyên Quang chuyển đơn của ông đến Chủ tịch UBND huyện Yên S để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 01/11/2018, ông Tiếp khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính, đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T còn thời hiệu khởi kiện. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy một phần quyết định cấp GCNQSDĐ và hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Gia Thái và bà Nguyễn Thị X. Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nguồn gốc đất:

Ông Nguyễn Văn T khai ông có một thửa đất (hiện nay ông Nguyễn Gia Th và bà Nguyễn Thị X được cấp GCNQSDĐ) tại hang Dúi, thôn H, xã Thái B, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang do ông khai phá và sử dụng làm nương rẫy từ năm 1975. Năm 1995, gia đình ông nhận trồng rừng theo Dự án 327 của tỉnh Tuyên Quang. Cuối năm 1996 được thanh toán tiền công và năm 1997 ông bàn giao lại diện tích trồng rừng cho Lâm trường Yên S quản lý. Lời khai của ông T phù hợp với Công văn số 64/CV-HKL ngày 17/4/2019 của Hạt kiểm lâm huyện Yên S về việc ông T được thiết kế trồng rừng phòng hộ năm 1995, 1996 và chăm sóc năm 1997.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày: Năm 1996 ông đã bàn giao thửa đất số 282 cho dự án 327 và Lâm trường Yên S quản lý. Ông đã nhận tiền công quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 282, ông không quản lý và sử dụng thửa đất trên từ đó cho đến nay. Ông T cũng trình bày không có giấy tờ chứng minh về việc đăng ký kê khai đối với thửa đất số 282. Nay ông khởi kiện và cho rằng các hộ được nhận lại đất để trồng rừng nên ông cũng phải được nhận lại thửa đất trên. Căn cứ vào quá trình sử dụng đất và căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Văn T tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để xác định thửa đất số 282 là đất rừng phòng hộ, thuộc quyền quản lý của Nhà nước và từ năm 1997 đến nay ông T không sử dụng và canh tác thửa đất trên.

Năm 2002-2003 ông Nguyễn Gia Th sử dụng thửa đất trên. Năm 2007 thực hiện chủ trương về việc cấp GCNQSDĐ, UBND xã Thái B đã lập Biên bản về việc kết thúc công khai các trường hợp có đơn xin cấp GCNQSDĐ và Biên bản xét duyệt của Ban chỉ đạo giao đất và cấp GCNQSDĐ, theo danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ thì hộ gia đình ông Nguyễn Gia Th (số thứ tự 31) đủ điều kiện thửa đất số 282, tờ bản đồ số 2, diện tích 19.476m²; hộ gia đình ông Nguyễn Văn T (số thứ tự 43, 44) đủ điều kiện thửa đất số 281, tờ bản đồ số 2, diện tích 17.853m² và thửa đất số 361, tờ bản đồ số 2, diện tích 6.676m² (BL54-57).

Tại biên bản họp thôn H, xã Thái B ngày 25/10/2007 về việc thống nhất nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, có 45/69 hộ tham gia họp (trong đó có hộ ông Nguyễn Văn T và hộ ông Nguyễn Gia Th), đều thống nhất ký tên.

Ngày 02/10/2007, Ban chỉ đạo giao đất và cấp GCNQSDĐ xã Thái B tổ chức cuộc họp phân loại thẩm tra, xác minh đơn của từng chủ sử dụng đất (trong đó có hộ ông Th); đồng thời tiến hành niêm yết công khai trong thời gian 15 ngày, tuy nhiên không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về danh sách đã công khai. UBND xã Thái B đã lập tờ trình gửi UBND huyện Yên S cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Thái B.

Ngày 05/5/2008, UBND huyện Yên S đã ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Thái B (trong đó có hộ ông Nguyễn Gia Th và hộ ông Nguyễn Văn T).

Ông T cho rằng: Năm 2007 ông có đăng ký kê khai cấp GCNQSDĐ đối với 5 thửa đất, ông không làm đơn mà chỉ đăng ký bằng miệng với Trưởng thôn H, ông không được tham gia họp thôn để xét nguồn gốc đất nhưng ông cùng các hộ dân trong thôn có đến nhà Trưởng thôn để ký vào các giấy tờ, hồ sơ cấp giấy nhưng không biết đó là giấy tờ gì. Đồng thời, ông T yêu cầu giám định chữ ký của ông T đối với các hộ giáp ranh tại biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 07/12/2006 của gia đình ông Th.

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, các hộ giáp ranh là bà Trần Thủy Lệ, ông Trần Hồng Quảng đều xác nhận đã ký ranh giới, mốc giới thửa đất cho hộ ông Nguyễn Gia Th để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, chỉ có ông Nguyễn Xuân Thủy khai do tuổi cao, sự việc đã lâu nên ông không nhớ có được ký xác nhận hay không. Các hộ này đều khẳng định ông Th là người sử dụng đất, không thấy ông T sử dụng bao giờ. Do đó, ông T yêu cầu đề nghị giám định chữ ký của các hộ giáp ranh là không có căn cứ chấp nhận; đồng thời, như đã phân tích ở trên, không có căn cứ để chấp nhận việc ông T không được tham gia cuộc họp để xác định nguồn gốc đất như ông T trình bày ở trên.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Yên S cho hộ ông Nguyễn Gia Th và bà Nguyễn Thị X đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật theo quy định của Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 là có căn cứ và việc UBND huyện Yên S cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Gia Th và bà Nguyễn Thị X là đúng đối tượng sử dụng đất, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T mà cần chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[2]. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

[3] các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài